

KẾ HOẠCH HỌP CMHS ĐẦU NĂM

NĂM HỌC 2023- 2024

A. THỜI GIAN, CHƯƠNG TRÌNH HỌP

I. Thời gian: Chiều 30/9/2023 (Thứ Bảy): từ 14g30 đến 16g00

II. Chương trình họp PHHS:

- 1- Ổn định tổ chức: điểm danh thành phần dự họp
- 2- Thông qua nội dung tiến trình của cuộc họp.
- 3- Bầu Ban đại diện lớp. (03 người: Trưởng ban, phó ban và thư ký)
- 4- Cử thư ký viết biên bản (CMHS)
- 5- Báo cáo kế hoạch hoạt động của nhà trường
- 6- Thông báo các khoản thu bảo hiểm bắt buộc, học phí bắt buộc
- 7- Thông báo nội dung huy động các khoản phục vụ trực tiếp học sinh, khuyến học, tài trợ và các khoản khác.
- 8- Thông báo Kế hoạch dạy thêm – học thêm
- 9- Thông báo một số nội dung khác
- 10- Ý kiến thảo luận của phụ huynh
- 11- Biểu quyết các nội dung: (lần lượt tất cả các nội dung đã triển khai)
- 12- Phát biểu và kết thúc cuộc họp.

B. NỘI DUNG:

I- TÌNH HÌNH NĂM HỌC 2022-2023 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM HỌC 2023-2024:

1. Tình hình chung và kết quả năm học 2022-2023:

- Nhà trường có cơ sở vật chất cơ bản đảm bảo để thực hiện hoạt động dạy và học theo yêu cầu của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Chất lượng dạy và học của nhà trường từng bước được nâng cao, có hiệu quả thực chất hơn.
- Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý có đủ số lượng, chất lượng đáp ứng công tác quản lý và dạy học.
- Đồng phục, tác phong, thực hiện giờ giấc của HS tương đối nghiêm túc.
- Một số thành tích của học sinh năm học 2022 – 2023:

STT	Lớp	Số	Hạng kiểm năm học 2022-2023			
			Tốt	Khá	Trung bình (Đạt 10)	Yếu (Chưa đạt 10)

			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG	1366	1194	87.41%	161	11.79%	11	0.81%	0	0.00%	
Khối 10	551	452	82.03%	93	16.88%	6	1.09%	0	0.00%	
Khối 11	427	361	82.67%	61	14.29%	5	1.17%	0	0.00%	
Khối 12	388	381	98.21%	7	1.79%	0	0.00%	0	0.00%	

STT	Lớp	Số	Kết quả học tập năm học 2022-2023									
			Giỏi (Tốt 10)		Khá		TB (Đạt 10)		Yếu (Chưa Đạt 10)		Kém	
			SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
TỔNG CỘNG		1366	266	19.47%	552	40.41%	450	32.94%	97	7.10%	1	0.07%
Khối 10		551	68	12.34%	204	37.02%	225	40.83%	54	9.80%	-	-
Khối 11		427	71	16.63%	147	34.43%	166	38.88%	42	9.84%	1	0.23%
Khối 12		388	127	32.73%	201	51.80%	59	15.21%	1	0.26%	0	0.00%

+ Tỷ lệ TN 98.7%

+ Nhà trường đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc; Công Đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ, Đoàn TN hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2. Hạn chế

2.1. Về lãnh đạo, quản lý:

Hạn chế trong nắm bắt tình hình vi phạm và xử lý vi phạm nội quy của học sinh

2.2. Về phía giáo viên, nhân viên:

Một số GV chưa chịu khó phấn đấu nâng cao tay nghề, làm việc thiếu tính tự giác. Việc xử lý tình huống sư phạm chưa khéo léo dẫn đến chưa hài lòng đối với PHHS và HS; Một số GVCN chưa theo sát học sinh lớp mình để có biện pháp khắc phục những vi phạm nội quy của HS.

2.3. Về học sinh:

- Còn một số học sinh chậm tiến bộ mặc dù được giáo dục nhiều lần. Một số HS chưa khắc phục được những khó khăn để phấn đấu vươn lên.

- Một số học sinh còn không chấp hành Luật giao thông đường bộ; Đi xe máy phân khối lớn đến trường, đi xe hàng 2, hàng 3 trên đường quốc lộ; bỏ xe máy trước Quảng trường gây mất trật tự và mất xe; Một vài học sinh ý thức vệ sinh trường lớp chưa tốt.

- Tình trạng gây gổ đánh nhau, bỏ học cúp tiết nhảy rào vẫn còn diễn ra.

- Một số PHHS ít quan tâm đến việc nhắc nhở, giáo dục con em mình; một số phản ánh không đúng sự thật về tình hình nhà trường.

2.4. Về cơ sở vật chất thiết bị dạy học nhà trường:

Một số thiết bị DH đã xuống cấp, hư hỏng ảnh hưởng đến hoạt động dạy và học của nhà trường.

3. Tình hình năm học 2023-2024

3.1- Về tình hình học sinh:

Năm học này nhà trường có 32 lớp với 1.454 học sinh. Trong đó:

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Ghi chú
Khối 10	học sinh	11 lớp	517
Khối 11	học sinh	12 lớp	536
Khối 12	học sinh	9 lớp	401
Tổng cộng	học sinh	32 lớp	1.454

3.2- Về tình hình cán bộ, giáo viên, nhân viên:

Tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên là 74 người. Trong đó:

- Lãnh đạo trường: 3 người.

- Giáo viên: 65 người

- Nhân viên: 6 người.

- Ngoài ra nhà trường còn hợp đồng 1 người làm công tác bảo vệ.

3.3. Nhiệm vụ trọng tâm:

a. Tăng cường bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được việc thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

b. Đổi mới công tác quản lý, đổi mới phương pháp dạy học có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường, đổi mới kiểm tra – đánh giá nhằm đáp ứng được nhu cầu chính đáng của phụ huynh về việc nâng cao tỷ lệ học sinh thi đỗ vào các trường đại học có uy tín trên cả nước; nâng cao hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh giỏi, bồi dưỡng mũi nhọn.

c. Mua sắm kịp thời các trang thiết bị dạy học tối thiểu nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động dạy và học của thầy và trò ở trên lớp. Sử dụng có hiệu quả trang thiết bị sẵn có.

d. Thực hiện nghiêm túc việc dạy thêm – học thêm theo quy định

e. Tăng cường các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, hoạt động trải nghiệm, các hoạt động thể dục thể thao lành mạnh.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ LIÊN QUAN ĐẾN PHỤ HUYNH VÀ HỌC SINH:

1. Một số nội quy quy tắc:

- Nhà trường dựa vào Điều lệ trường THPT xây dựng Quy tắc ứng xử, nội quy, quy định và xử lý học sinh vi phạm.

- Nhà trường xây dựng quy chế hoạt động, quy chế tiếp dân, phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo nhà trường,...



2. Ngoài ra Ban nề nếp, Đoàn TN phối hợp với GVCN tham gia quản lý, giáo dục học sinh.

3. Những kiến nghị, đề xuất của nhà trường đối với CMHS:

- Đề nghị phối hợp với nhà trường có kế hoạch vận động duy trì sĩ số học sinh ở các lớp, hạn chế bỏ học; nhắc nhở con em thực hiện nghiêm túc nội quy, quy tắc ứng xử của nhà trường. Quản lý chặt chẽ con em mình tránh các tệ nạn mê game, đua xe, lạng lách vi phạm luật giao thông,...

- Kêu gọi phụ huynh và các tổ chức, cá nhân trong xã hội tự nguyện tài trợ vật chất, tiền để nhà trường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học nhằm đưa chất lượng dạy học đi lên.

4. **Triển khai về các chế độ chính sách của học sinh: Nghị định 116, Nghị định 81...**

5. **Về các khoản phục vụ học sinh, khen thưởng trong nhà trường năm học 2023-2024:**

5.1. Bắt buộc:

5.1.1. Học phí năm học 2023 – 2024. cụ thể như sau:

Mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập đóng tại xã, phường, thị trấn không có trong danh sách các khu vực theo Quyết định 861/QĐ-TTG thì mức thu học phí áp dụng bằng mức thu học phí tại khu vực I như sau:

Mức học phí tại khu vực I: 45.000 đồng/tháng x 9 tháng/năm học = 405.000 đồng.

5.1.1.2. Miễn học phí

- Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

- Học sinh phổ thông là con của hạ sĩ quan và binh sĩ, chiến sĩ đang phục vụ có thời hạn trong lực lượng vũ trang nhân dân.

- Học sinh khuyết tật.

- Học sinh thuộc diện theo Pháp lệnh ưu đãi người có công.

- Học sinh đang thuộc diện bảo trợ xã hội.

5.1.1.3. Giảm 70% học phí

- Học sinh là người dân tộc thiểu số ở xã Quảng Tâm, Quảng Tân, Quảng Trục, Đắk Ngo, Đắk R'Tiê: Mức giảm tính trên cơ sở mức thu 45.000 đ/tháng.

5.1.1.4. Giảm 50% học phí

- Học sinh phổ thông có cha mẹ thuộc hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. Mức giảm tính trên cơ sở mức thu 45.000 đ/tháng.

5.1.1.5. Hỗ trợ chi phí học tập (150.000 đồng/tháng x 9 tháng)

- Học sinh mồ côi cả cha lẫn mẹ

- Học sinh khuyết tật

- Học sinh có cha mẹ thuộc diện hộ nghèo

5.1.2. BHYT năm học 2023 - 2024:

Khối 10, 11 thu 12 tháng x 48.600 đồng = 583.200 đồng;

Khối 12 thu 9 tháng x 48.600 đồng = 437.400 đồng

Những HS đã được cấp thẻ phải photo và gửi lại cho cô Ánh – y tế nhà trường.

5.2. Khoản tài trợ theo TT16: Không

5.3. Các khoản phục vụ trực tiếp cho học sinh: (theo Nghị quyết 06/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Nông)

Tiền nước uống: **Không** (Tồn 35.483.000 để sử dụng cho năm học 2023-2024)

Tiền thuê lao công dọn nhà vệ sinh của HS: 45.000 đồng/năm học/1 học sinh

Tiền mua giấy phục vụ công tác kiểm tra, thi; tiền Photo đề kiểm tra, đề thi...: 50.000 đồng/năm học/1 học sinh

5.4. **Quỹ khuyến học:** Kêu gọi sự hỗ trợ đóng góp của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và PHHS nhà trường; các tổ chức cá nhân bên ngoài trên tinh thần đóng góp cho sự phát triển của nhà trường (Theo Hội khuyến học - Sở GD&ĐT số 17/LT-HKH-SGDĐT và tình hình thực tế chi của nhà trường)

Quỹ khuyến học dùng hỗ trợ học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện thông qua các hoạt động phong trào, thành tích học tập cuối năm và thành tích các kỳ thi, hỗ trợ những học sinh nghèo, khó khăn của năm học 2023 – 2024.

Dự kiến huy động: 200.000đ/HS

5.5. Quỹ Ban đại diện CMHS (Thông tư 55): không

6. Hình thức thu – chi;

Nội dung thu - chi các khoản và công tác quản lý thu, chi đảm bảo công khai minh bạch và đúng quy định hiện hành

7. **Tiền Ứng dụng công nghệ thông tin trong trao đổi thông tin liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh học sinh:** 50.000đ/hs/năm

8. **Tiền hoạt động ngoài giờ theo quy định tại NQ 06/HĐND tỉnh:** Thu theo từng hoạt động trải nghiệm trong năm học

9. **Bảo hiểm thân thể:** tự nguyện (80.000đ/hs/ năm).

10. **Dạy thêm học thêm:** (Có kế hoạch riêng)

Quản lý, tổ chức việc dạy thêm, học thêm bảo đảm các nguyên tắc theo quy định tại Điều 3 Quy định về dạy thêm, học thêm ban hành kèm theo Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT và Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 04 tháng 05 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông ban hành Quy định quản lý dạy thêm, học thêm.

11. **GVCN lập danh sách cha mẹ học sinh, ghi số điện thoại, cho ký tên vào danh danh sách,...**

12. Biểu quyết thống nhất những nội dung triển khai

Trên đây là kế hoạch hợp CMHS các lớp của trường THPT Phạm Văn Đồng vào đầu năm học 2023 – 2024.



Hiệu trưởng

Lê Thế Hiến